

Số: 49/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Trị, ngày 23 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 91/2026/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986, số CCCD: 045186007959; địa chỉ: thôn T, phường Q, tỉnh Quảng Trị.
- Bị đơn: Ông Trương Văn C, sinh năm 1991, số CCCD: 045091000776; địa chỉ: thôn T, phường Q, tỉnh Quảng Trị.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
 - + Ngân hàng C2 - Phòng giao dịch Ngân hàng C2; địa chỉ: G Q, phường Q, tỉnh Quảng Trị;
 - + Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh Q; địa chỉ: số B H, Đ, Quảng Trị.
 - + Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1956 và bà Ngô Thị H1, sinh năm 1957; đều có địa chỉ: thôn T, phường Q, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 60, 62, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trương Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trương Văn C thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Trương Văn N, sinh ngày 17/9/2012 và cháu Trương Ngọc G, sinh ngày 26/01/2020. Anh Trương Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả 02 con mỗi tháng 1.000.000 đồng (cấp dưỡng nuôi mỗi con 500.000 đồng/tháng) kể từ

tháng 5/2026 cho đến khi cháu N, cháu G thành niên và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ được thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản chung của vợ chồng, gồm:

- 01 (một) ngôi nhà cấp 4 gắn liền với quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 371, tờ bản đồ 21; địa chỉ thửa đất: thôn T, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn T, phường Q, tỉnh Quảng Trị); diện tích: 377m², trong đó, đất ở tại nông thôn: 100m², đất trồng cây lâu năm: 277m²; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CD 939471 cấp ngày 15/11/2017 mang tên Nguyễn Thị H. Nhà và đất có trị giá 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

- 01 (một) nhà máy S (bao gồm: nhà cấp 4, bên trong có hệ thống máy sản xuất nước đá) được xây dựng trên thửa đất số 372, tờ bản đồ 21; địa chỉ thửa đất: thôn T, phường Q, tỉnh Quảng Trị; đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CD 939470 ngày 15/11/2017 mang tên ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Ngô Thị H1. Nhà máy sản xuất nước đá có trị giá 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Tổng cộng, chị H được quyền sở hữu, sử dụng khối tài sản có giá trị là: 335.000.000 đồng (ba trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị H là người chịu trách nhiệm tiếp tục trả nợ các khoản nợ chung, gồm:

- Nợ Ngân hàng C2 - Phòng giao dịch Ngân hàng C2 tổng số tiền nợ tính đến ngày 15/4/2026 là: 76.078.957 đồng (Bảy mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm năm mươi bảy đồng) trong đó, nợ gốc là: 76.000.000 đồng, nợ lãi là 78.957 đồng theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

+ Chị Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng C2 - Phòng giao dịch Ngân hàng C2 số tiền là: 8.009.205 đồng, trong đó, nợ gốc là: 8.000.000 đồng, nợ lãi là: 9.205 đồng, số nợ này theo Hợp đồng vay ngày 06/9/2022 được ký kết giữa anh Trương Văn C và Ngân hàng C2 - Phòng giao dịch Ngân hàng C2.

+ Chị Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng C2 - Phòng giao dịch Ngân hàng C2 số tiền là: 68.069.751 đồng, trong đó, nợ gốc là: 68.000.000 đồng, nợ lãi là: 69.751 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 164.04/2022/HĐ-TD ngày 09/10/2022 được ký kết giữa anh Chương Văn C1 và Ngân hàng C2 - Phòng giao dịch Ngân hàng C2.

- Chị Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh Q tổng số tiền nợ tính đến ngày 15/4/2026 là: 123.576.247 (một trăm hai mươi ba triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó, nợ gốc là: 123.000.000 đồng, nợ lãi là 576.247 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 01/2024/15885887/HĐTD ngày 17/4/2024 được ký kết giữa chị Nguyễn Thị H, anh Trương Văn C và Ngân hàng TMCP Đ1 - Chi nhánh Q.

Trong trường hợp, chị Nguyễn Thị H không trả nợ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh Q có quyền cơ quan nhà nước kê biên phát mãi

tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2024/15885887/HĐBĐ ngày 15/4/2024 được ký kết giữa chị Nguyễn Thị H, và Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh Q.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H thỏa thuận chịu 150.000 đồng án phí ly hôn, 3.382.000 đồng án phí chia tài sản và 4.991.000 đồng án phí nợ chung. Tổng cộng, chị Hà T chịu 8.373.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.787.000 đồng tại biên lai thu số 0001121 ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị H còn phải nộp thêm 1.586.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị H thỏa thuận chịu 2.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Chị H đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV6 - Quảng Trị;
- THADS KV6 - Quảng Trị;
- UBND phường Quảng Trị;
- Công an phường Quảng Trị;
- UBND xã Cồn Tiên, tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Tổ HC-TP.

THẨM PHÁN

Trần Đình Hùng